

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 33/2023/DS-ST

Ngày 29 - 06 - 2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng mua bán tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Thắng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mạnh và bà Cao Thị Hồng Châu
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:* Ông Dương Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLST - DS, ngày 09 tháng 01 năm 2023, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Tấn Th (có mặt)

Địa chỉ: thôn A, CM, huyện CD, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim N (có mặt)

Địa chỉ: thôn HL, xã QH, huyện CD, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải ông Trần Tấn Th trình bày:

Trong những năm 2014 đến năm 2020 tôi có giao dịch mua bán, đầu tư phân bón và cho vay mượn tiền mặt của gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim N. Tuy nhiên, đến nay ông N và bà T chạy ý không chịu trả số tiền cho tôi số tiền cụ thể như sau:

Ngày 16/6/2015 mua phân 4.315.000 x 1% x 90 tháng (3.883.000) = 8.198.000

Ngày 07/8/2015 mua phân 12.600.000 x 1% x 88 tháng (11.088.000) = 23.688.000

Ngày 28/9/2015 mua phân 6.600.000 x 1% x 87 tháng (5.742.000) = 12.342.000

Ngày 22/10/2015 mượn tiền mặt 10.000.000 x 1,6% x 86 tháng (13.760.000) = 23.760.000

Ngày 26/12/2015 mượn tiền mặt 30.000.000 x 1,6% x 84 tháng (40.320.000) = 70.320.000

Ngày 29/01/2016 mua phân 2.400.000 x 1% x 83 tháng (1.992.000) = 4.392.000

Ngày 26/5/2016 mua phân 10.670.000 x 1% x 79 tháng (8.429.000) = 19.099.000

Ngày 08/6/2016 mượn tiền mặt 130.000.000 x 1,5% x 78 tháng (152.100.000) = 282.100.000

Ngày 21/7/2016 mua phân 5.540.000 x 1% x 41 tháng (2.271.000) = 7.811.000

Tổng số tiền gốc và lãi là 451.710.000đ

Nay tôi yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim N phải trả tôi số tiền gốc và lãi là 451.710.000đ

***Phần trình bày của bị đơn bà Trần Thị Kim N:**

Tôi đồng ý với yêu cầu của ông Trần Tấn Th là tôi có mượn tiền và mua phân của ông Th như đơn khởi kiện của ông Th. Việc mua phân và vay 130.000.000đ là tôi vay cho em gái tôi nhưng nay ông Th khởi kiện thì tôi đồng ý chịu trách nhiệm trả cho ông Th. Đối với số tiền vay 10.000.000đ và 30.000.000đ là tôi vay về phục vụ trong gia đình, chồng tôi là ông T không biết khoản vay này. Do điều kiện kinh tế khó khăn, dịch bệnh nên mấy năm nay tôi không trả được cho ông Th. Ông Th khởi kiện tôi thì tôi xin ông Th mỗi năm tôi cùng chồng trả một ít tiền gốc là 212.125.000đ, còn tiền lãi 239.585.000đ là tôi sẽ trả sau, ông Th khởi đòi trả một lần thì tôi không có tiền trả cho ông Th. Mong ông Th xem xét để tôi có điều kiện trả từ từ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự:*

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 430; Điều 440, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim N phải trả số tiền gốc và lãi là 451.710.000đ

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Tấn Th số tiền gốc và lãi là 451.710.000đ

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Trần Tấn Th yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số nợ: Từ năm 2014 đến năm 2020 ông Trần Tấn Th có đầu tư phân bón bán cho bà N cụ thể ngày ngày 16/6/2015 mua phân với số tiền 4.315.000đ, ngày 07/8/2015 mua phân với số tiền 12.600.000đ, ngày 28/9/2015 mua phân với số tiền 6.600.000đ, ngày 29/01/2016 mua phân với số tiền 2.400.000, ngày 26/5/2016 mua phân với số tiền 10.670.000, ngày 21/7/2016 mua phân với số tiền 5.540.000. Tổng số tiền mua phân bà Trần Thị Kim N là 42.125.000đ.

Ngày 22/10/2015 bà Nhung mượn 10.000.000, ngày 6/12/2015 bà N mượn 30.000.000đ và ngày 08/6/2016 bà mượn 130.000.000đ. Tổng số tiền bà N mượn của ông Th là 170.000.000đ.

Ông Trần Tấn Th cho rằng số phân và tiền vay trên thì ông Nguyễn Văn T đều biết nên ông T phải có trách nhiệm cùng với bà N đứng ra trả nợ. Tuy nhiên, bà N cho rằng việc vay tiền và mua bán phân là do mình bà đứng ra mua và vay tiền cho em gái bà nên bà đứng ra trả không liên quan gì với ông T, còn số tiền 10.000.000đ và 30.000.000đ bà vay cho bà xử dụng ông T cũng không biết. Ngoài ra, ông Th cũng thừa nhận thời gian trước thì ông T có mua phân thì đã trả tiền rồi còn sau này là mỗi lần vay tiền và mua phân thì chỉ có mình bà N.

Như vậy, việc mua bán phân và vay mượn tiền của ông Th là do mình bà N, ông T không hề biết việc bà N vay mượn tiền và mua bán phân với ông Th. Đó

đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả số tiền vay và tiền mua phân cho ông Th là phù hợp.

[2.2] về số tiền lãi:

Đối với số tiền 130.000.000đ thì trong giấy vay mượn có thỏa thuận cụ thể lãi suất 1,5%/tháng. Đối với số vay tiền 10.000.000đ, 30.000.000đ và mua phân thì các bên không có thỏa thuận lãi suất nhưng ông Th yêu cầu về lãi suất 1%/tháng đối với việc mua phân và 1,6%, đối số tiền vay 10.000.000đ, 30.000.000đ và bà N cũng đồng ý với lãi suất mà ông Th yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận lãi suất mà ông Th yêu cầu, cụ thể như sau:

Ngày 16/6/2015 mua phân 4.315.000 x 1% x 90 tháng = 3.883.000đ

Ngày 07/8/2015 mua phân 12.600.000 x 1% x 88 tháng = 11.088.000đ

Ngày 28/9/2015 mua phân 6.600.000 x 1% x 87 tháng = 5.742.000đ

Ngày 22/10/2015 mượn tiền mặt 10.000.000 x 1,6% x 86 tháng = 13.760.000đ

Ngày 26/12/2015 mượn tiền mặt 30.000.000 x 1,6% x 84 tháng = 40.320.000đ

Ngày 29/01/2016 mua phân 2.400.000 x 1% x 83 tháng = 1.992.000đ

Ngày 26/5/2016 mua phân 10.670.000 x 1% x 79 tháng = 8.429.000đ

Ngày 08/6/2016 mượn tiền mặt 130.000.000 x 1,5% x 78 tháng = 152.100.000đ

Ngày 21/7/2016 mua phân 5.540.000 x 1% x 41 tháng = 2.271.000đ

Tổng số tiền lãi là 3.883.000đ + 11.088.000đ + 5.742.000đ + 13.760.000đ + 40.320.000đ + 1.992.000đ + 8.429.000đ + 152.100.000đ = 239.585.000đ

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; cụ thể:

400.000.000đ = 20.000.000đ tiền án phí

51.710.000đ x 4% = 2.068.000đ (đã làm tròn)

Tổng tiền án phí 20.000.000đ + 2.068.000đ = 22.068.000đ

- Ông Trần Tấn Th thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 280; Điều 430; Điều 440, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim N phải trả tôi số tiền gốc và lãi là 451.710.000đ

Chấp đơn một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tấn Th.

Buộc bà Trần Thị Kim N phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Tấn Th số tiền là 451.710.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**** Về án phí dân sự sơ thẩm:***

- Bà Trần Thị Kim N phải chịu số tiền 22.068.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đặng Ngọc Thắng